

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH
AN PHÁT 36**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 7 năm 2026

Số: 01.CBNL/QĐ-AP36

V/v: Công bố năng lực hoạt động thí
nghiệm chuyên ngành xây dựng

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG THÍ
NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 06 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36. Đơn vị chúng tôi xin công bố năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cụ thể như sau:

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 2803228622 cấp đăng ký lần đầu ngày 08/05/2026. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá.

Địa chỉ: Lô A1-3, khu CN Tây Bắc Ga, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hoá.

Điện thoại: 0983.036.236 – 0946.074.336

2. Thông tin Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định An Phát 36. (Kế thừa phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng LAS XD – 954 của Công ty cổ phần công nghệ vật liệu xây dựng và kiểm định 36)



Địa chỉ: Lô A1-3, KCN Tây Bắc Ga, Phường Hàm Rồng, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

Điện thoại: 0983.036.236 – 0946.074.336

2.1. Danh mục phép thử và chỉ tiêu, tiêu chuẩn thử nghiệm thử nghiệm: *(Danh mục kèm theo quyết định này).*

2.2. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm: *(Danh mục kèm theo quyết định này).*

2.3. Danh sách nhân lực, thí nghiệm viên: *(Danh sách kèm theo quyết định này).*

2.4. Địa chỉ website: <http://anphat36.com.vn>

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36 cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

Kính đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp, đăng tải./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Thanh Hóa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu VT-CT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG
VÀ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT 36**



GIÁM ĐỐC
Lê Hữu Vỹ

2.1. DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định An Phát 36

(Kèm theo Văn bản số. 01.CBNL /CV-CT ngày 10/7/2026 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36)

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
I	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C184, C188, C204; AASHTO T112, T133, T153, T192; JIS R5201
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011; ISO 679:09; TCVN 9488:12; ASTM C109; AASHTO T106; ASTM C107; EN 196-1:05; JIS R5201:97
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích, hàm lượng bọt khí trong xi măng	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 8876:2012; ASTM C187, C191, C266, C451; AASHTO T131, T129; JIS R5201:97
II	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4	Xác định độ sụt, độ chảy xoe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; BS EN 12350:09; ASTM C143/C143M; C138; AASHTO T119; JIS A1101
5	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993; BS EN 12350-6; ASTM C138; AASHTO T121
6	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232; EN 480-4; AASHTO T158; BS EN 12350-4; JIS A1123
7	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:2022; ASTM C173, C231, C233, C127, C128, C642; AASHTO T152; T121
8	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng, độ hút nước	TCVN 3112:2022; TCVN 3113:22; ASTM C185; C231; C57; C127; C128; C1585; C642; EN 12390-7
9	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:2022; ASTM C418
10	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C29; C138, C642; AASHTO T121; EN 12390-7
11	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; DIN 1048; ASTM C403; C1585, CRD C48; EN 12390-8
12	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:2022; ASTM C157; AASHTO T160; JISA1129:10
13	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39, C42, C1231; AASHTO T22, T140, T142; BS 1881; EN 12390-3; EN 12504-1; JISS A1107, A1108; AS

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
		1012.9
14	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C293, C78; AASHTO T97, T177; EN 12390-5; JIS A1114, A1106
15	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:2022; AASHTO T198; ASTM C496-11, ASTM B3067; EN 12390-6:2009; JIS A 1113:2006
16	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403
17	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340: 12; ASTM C1064; AASHTO T309
18	Xác định cường độ kéo nhỏ bê tông	TCVN 9490: 12; ASTM C900-06
19	Xác định cường độ kéo bề mặt và kéo trực tiếp	TCVN 9491: 12
20	Xác định cường độ chịu kéo khi ép chế	TCVN 8862: 2011
21	Xác định chiều rộng vết nứt bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879: 2009
22	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020; TCXD 239 – 2006; GOST 28570-90
III	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
23	Xác định thành phần cốt hạt, mô đun độ lớn	TCVN 7572-2 :2006; ASTM C136/136M-14; AASHTO 727-18, T37-16
24	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127-15; AASHTO T85-14
25	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6 :2006; ASTM C29/C29M-17a; AASHTO T19/T19M-18; EN 1097-3:98
26	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :2006; ASTM C566-13; AASHTO T255-16
27	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 2006; ASTM C142/ C142M-17; ASTM C117-17
28	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; ASTM C40/ C40M-16; AASHTO T21-05
29	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :2006; ASTM C2938:02
30	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:2006; ASTM C131; AASHTO T96
31	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D 4791-10
32	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
33	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
34	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
35	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
36	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt	TCVN 9205:2012; TCVN 14135

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	lượng hạt < 75mm	
IV	CƠ LÝ ĐẤT, CÁT, CÁP PHỐI ĐÁ DẪM TRONG PHÒNG	
37	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012 ; AASHTO T100-10 ; ASTM D854-10
38	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
39	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012 ; AASHTO T89-10 ; AASHTO T90-08 ; BS 1377:90; ASTM D4318-10
40	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012; AASHTO T88-10 ASTM D1140-14
41	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080-04, BS 1377:90; AASHTO T190
42	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435; AASHTO T216, T297
43	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D698; AASHTO T99
44	Đảm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12; 22TCN 333-06; TCVN 12790:20
45	Thí nghiệm sức chịu tải của đất, đá dăm (CBR) trong phòng thí nghiệm (Califoniac Bearing Ration)	22 TCN 332-06 ; AASHTO T193-10, ASTM D1883-07 ; ASTM D1883
46	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:12
47	Xác định tổng lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan trong đất	TCVN 8723:2012 ; ASTM D2434
48	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
49	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012
50	Xác định các đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
51	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; AASHTO T267; AASHTO T194
52	Xác định KLTT nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	114 TCN 136 - 2005
V	THÍ NGHIỆM KIỂM TRA KIM LOẠI	
53	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892 :2009); TCVN 314:2008; ASTM A370; JIS Z2241-1998; AASHTO T68
54	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005); ASTM A370; JIS Z2248-1996; TCVN 6287:97
55	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:1997
56	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5401:2010
57	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5402:2010
58	Thử kéo bulong	TCVN 1916:1995; ASTM A370:17a; ASTM F606/F606M-16; E 488

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
59	Thử kéo thép hình	TCVN 197:2014
60	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
61	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
62	Kiểm tra không phá hủy mối hàn – PP siêu âm	TCVN 6735:2000
63	Lớp phủ mạ kẽm – Phương pháp thử	TCVN 5408:2009
VI	THỬ NGHIỆM BULONG, VÍT, VÍT CÂY, ĐAI ỐC	
64	-Kiểm tra khuyết tật bề mặt bulong, vít, vít cây	TCVN 4795:1989
65	-Kiểm tra bề mặt của đai ốc	TCVN 4796:1989
66	-Kiểm tra tải trọng phá hủy của bulong, vít, vít cây	TCVN 4795:1989
67	-Kiểm tra tải trọng phá hủy của đai ốc	TCVN 4796:1989
68	-Lực siết của bulong, vít, vít cây	TCVN 8298:2009
69	Thí nghiệm cơ lý lưới làm rọ đá, thảm đá: Đường kính dây, chiều dày bọc nhựa trung bình; lực căng mắt lưới; khối lượng tầng nhôm + kẽm phù hợp; trọng lượng riêng của nhựa PVC; độ cứng Shore D; khả năng chịu mài mòn; Cường độ chịu kéo đứt của nhựa bọc PVC, độ giãn dài và mô đun đàn hồi.	TCVN 10335:2014; ASTM A975, A641, A370, A856, A90/90M, D792, D2240, D1242, D412; TCVN 10335-14; BS EN 10223; BS443; BS 10244
VII	THÍ NGHIỆM GẠCH, GẠCH BÊ TÔNG, ĐÁ ỐP LÁT	
70	Gạch đất sét nung: Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng, Xác định độ rỗng; Xác định độ thoát muối; Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355:09; AASHTO T32 ; ASTM C67
71	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16
72	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:99; ASTM C140
73	Bê tông bọt, bê tông khí chưng áp và không chưng áp: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt; Xác định cường độ nén; độ ẩm và khối lượng thể tích khô; Xác định độ co khô; độ hút nước và hệ số dẫn nhiệt.	TCVN 9030:2017 TCVN 7959:2017; TCVN 9029:2017
74	Gạch Terrazzo, gạch lát hóa xi măng: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ uốn, độ hút nước, độ mài mòn, bền băng giá, hệ số ma sát.	TCVN 7744:2013; BS EN 13748
75	Gạch xi măng lát nền: Xác định kích thước và	TCVN 6065:1995

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt	
76	Kiểm tra chất lượng bề mặt; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước;	TCVN 6883:2001
77	Gạch Granito: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn	TCVN 6074:1995
78	Gạch gốm ốp, lát: Xác định kích thước và chất lượng bề mặt; độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích; độ bền uốn và lực uốn gãy; độ bền va đập; độ mài mòn sâu và mài mòn bề mặt; hệ số giãn nở nhiệt dài; độ bền sốc nhiệt; hệ số giãn nở ẩm; độ bền rạn men đối với gạch men; độ bền băng giá; độ bền hóa học; độ bền chống bám bẩn; độ thôi chì và cadimi của gạch phủ men; sự khác biệt nhỏ về màu; hệ số ma sát; độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415:2016; TCVN 6885:2001
79	Gạch granite, đá granite ốp, lát tự nhiên: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và sai lệch kích thước; độ hút nước và khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 6415:2016
80	Gạch ốp, lát đá nhân tạo: Kiểm tra sai lệch kích thước, hình dạng và chất lượng bề mặt; độ hút nước; lực uốn gãy và độ bền uốn; độ bền băng giá, độ bền chống bám bẩn, độ bền mài mòn sâu; độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN 8057:2009; TCVN 6415:2005
81	Ngói lợp: xác định tải trọng uốn gãy, độ hút nước, thời gian xuyên nước, khối lượng trên 1m ² ngói bão hoà nước	TCVN 4313: 1995
VIII	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG	
82	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022; TCVN 9028:2011; EN 1015-1:1999
83	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; TCVN 9028:2011; ASTM C1437
84	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
85	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022; ASTM C230; TCVN 9028:2011
86	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807; ASTM C953; ASTM C403; TCVN 9028:2011
87	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
88	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; ASTM C109/C109M; ASTM C109, C348;



TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
		ASTM C349; EN 1015-12:00, EN 12190; TCVN 9028:2011
89	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cốt vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài vữa đã đông rắn, độ co khô của vữa	TCVN 9204:12; TCVN 8824:11; EN 445, ASTM C939, C940, C1437, C230, ASTM C827, C1090, ASTM C157, C596; C942
90	Vữa chèn cáp dự ứng lực: Xác định lượng vón cục trên sàng, xác định độ chảy, xác định độ giãn nở, xác định độ tách nước và thay đổi thể tích theo phương pháp ống đứng, xác định thời gian đông kết, xác định cường độ nén	TCVN 11971:18, BS EN 447
IX	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
91	Xác định khối lượng riêng; thành phần hạt; độ ẩm, hệ số thích nước, chỉ số dẻo của bột khoáng	22TCN 58:1984; TCVN 8735:2012; TCVN 12884:2020; TCVN 7572-2:2006; TCVN 4197:2012; AASHTO T11; ASTM C136; AASHTO T37; AASHTO T255; AASHTO T134
92	Xác định Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số háo nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Hàm lượng nước; Lượng mất khi nung; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất nhựa và nhựa đường.	TCVN 12884-2:2020 22TCN 58:1984 ASTM D5329
X	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
93	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245, T230; ASTM D6927
94	Hàm lượng nhựa bằng PP chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T1664 ; ASTM D2172
95	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27 ; ASTM C136
96	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng BTN ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209-90, ASTM D2041
97	Xác định tỷ trọng khối , khối lượng thể tích BTN ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166, T275
98	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO T305
99	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304, T326
100	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
101	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
102	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011, ASTM D3203
103	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
104	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011, ASTM

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
		D6927
105	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 13567:2022
XI	THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG POLIME, NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GỐC AXIT	
106	Xác định độ kim lún.	TCVN 7495:2005; ASTM D5-13 AASHTO T49; TCVN 8816 :2011
107	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D 36-00 AASHTO T53; TCVN 8816 :2011
108	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; TCVN 8818-2 :2011 ASTM D92-16b; AASHTO T48; TCVN 8816 :2011
109	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt 5h ở 163°C	TCVN 7499:2005; ASTM D6-00; AASHTO T47; TCVN 8816 :2011
110	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; ASTM D 70-03; AASHTO T228; TCVN 8816 :2011
111	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; TCVN 8816 :2011
112	Xác định hàm lượng nước	TCVN 7503:05; DIN 52015
113	Xác định hàm lượng nhựa đường có trong nhũ tương axit; Xác định Độ nhớt Saybolt furol; Xác định Độ ổn định lưu kho 24h; Xác định hàm lượng hạt lớn hơn 0,85mm có trong nhũ tương axit; Thí nghiệm trộn xi măng của nhũ tương axit; Xác định độ khử nhũ tương; Xác định độ dính bám với cốt liệu; Xác định khối lượng riêng	TCVN 8817 :2011
XII	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
114	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:71; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; TCVN 8730:12; ASTM D7460; ASTM D2937; AASHTO T204-90
115	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556-96; AASHTO T191-93
116	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:2012
117	Thí nghiệm kéo neo hiện trường	ASTM D4435; ASTM E1512
118	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; AASHTO T256; ASTM D1194, D1196;
119	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m; Xác định độ bằng phẳng bằng	TCVN 8864:11; TCVN 8865:2011; ASTM E950; ASTM E1082

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
120	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965; AASHTO T278
121	Xác định môđun đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11; AASHTO T256 ASTM D4695; ASTM D4729
122	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12; ASTM D1143/D1143M-07
123	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
124	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C805M:2008; ASTM C597:2009; EN 12504-1:2012; JIS A 1355:2012
125	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng PP thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
126	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D1194; AASHTO T235; BS 8377-9; GB50007; BG 50021
127	Đánh giá chất lượng bê tông bằng phương pháp xung siêu âm	TCVN 9357:2012, BS EN 12504-4:04; ASTM C597:09
128	Thử nghiệm hệ thống nổi đất, chống sét	TCVN 9385:12; BS 6651; ASTM G187, BS 5930
129	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429-92; BS 1377 part9-4.3
130	Kiểm tra sức chịu tải của neo và bulong trong bê tông	BS 1881-207:1992
131	Xác định lớp phủ kim loại - Đo chiều dày lớp phủ	TCVN 10310:2014; ISO 3497:2000
132	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
133	Đo chuyển vị ngang của công trình	TCVN 9364:2012
134	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
135	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM-D1586-92
136	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9113:12
137	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12
138	Thí nghiệm đẩy ngang cọc bê tông cốt thép	ASTM-D3966-90
139	Thí nghiệm nhỏ cọc, nén ngang, nén dọc	TCXD82:88 ASTM-D3989-90
140	Khảo sát đo đạc địa hình	TCVN 9398:12
141	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012
142	Ống cống bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012
143	Tấm bê tông cốt thép đúc sẵn: Xác định kích thước và sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan cho phép, khả năng chịu tải	TCVN 10798:15; TCVN 6394:2014; TCVN 10799:15
144	Thí nghiệm hồ ga BTCT, mương BT thành mỏng đúc sẵn, nắp hồ ga, hồ thăm, giếng	TCVN 10333:2014; TCVN 6394:2014

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
	thăm: Xác định kích thước và mức sai lệch kích thước; Xác định ngoại quan và các khuyết tật; khả năng chống thấm nước; khả năng chịu tải	
145	Bố vữa bê tông đúc sẵn và gổì công bê tông đúc sẵn: xác định kích thước và mức sai lệch cho phép; xác định ngoại quan và khuyết tật cho phép; khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015; TCVN 10799:2015
146	Cọc xi măng đất, hỗn hợp đất gia cố xi măng: Xác định tính liên tục, tính kháng nén, modul đàn hồi	TCVN 9403:2012; TCVN 9906: 2013; ASTM D559: 96; ASTM D560: 96; ASTM D1633: 07; ASTM D1634: 06; ASTM D1635: 12
147	Xác định cường độ ép chẻ	22TCN 73- 84; TCVN 8862: 2011; ASTM C496/496M
XIII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, uPVC, PPR, HDPE, PE VÀ PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA	
148	Xác định thông số kích thước hình học, độ dày, oval	TCVN 6150:03; TCVN 6145: 2007 (ISO 3126:2005); TCVN 6148:07; TCVN 8491:11; TCVN 7305 :2008; DIN 8078:08; DIN 8077:1999
149	Độ bền với áp suất trong, độ bền áp suất thủy tĩnh, áp lực nén ngoài, thử độ kín ống	TCVN 6149:07; TCVN 6041:96; ASTM D 1599-14; DIN 8077:99, DIN 8078:08; ISO 1167-1:07
150	Ống và phụ tùng nối bằng PVC: Xác định tỷ trọng, hệ số dẫn nở nhiệt, độ bền kéo đứt, nhiệt độ làm việc tối đa, modul đàn hồi, điểm mềm vicat, điện trở suất bề mặt, độ bền áp suất trong, độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6151 : 2002; TCVN 8491 : 2011
151	Bảng chặn nước PVC: Xác định sai lệch kích thước, khối lượng riêng, cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt, độ cứng shore, độ bền hóa chất, tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt, khối lượng riêng	TCVN 4509:2013 (ISO 37:11); TCVN 1591-1:2013; TCVN 9409-3:2014; TCVN 4866: 2013 (ISO 2781: 1988); TCVN 9407:2014; TCVN 7434-1:2020 (ISO 6259-1:2015); ASTM D412; JIS K 7112:99
152	Xác định độ bền kéo, độ bền uốn, độ bền va đập, độ cứng vòng, độ cứng đàn hồi, sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 7434:04; TCVN 6144:03; TCVN 8850:11 (ISO 9969:2007); TCVN 8492 : 2011; TCVN 6148 : 2007 ; TCVN 6017:2015; TCVN 8491 : 2011; ASTM D 638-14, ASTM D 3039-14; DIN 8078:08; DIN 8077:1999; BS EN 1401-1:09; BS EN 743:1995, EN 744:1996; ISO187:2010; ASTM D 790-03

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
153	Kích thước hình học; Nén bẹp; Xác định độ bền trong môi trường hoá chất, thử độ bền nén	TCVN 6145 :2007; TCVN 9070: 2012 ; TCVN 8492: 2011 ; TCVN 7997 : 2009
154	Ống luồn dây điện PE, HDPE, SDR-PR: Kích thước hình học, độ biến dạng không vỡ; Tính uốn cong, độ va đập, độ bền kéo đứt, thử nén	TCVN 7305:08; TCVN 9070:12; TCVN 7997:09; TCVN 8599:11
XIV	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM, MÀNG CHỐNG THẨM	
155	Xác định khối lượng đơn vị	TCVN 8221:2009; TCVN 8042:2009; ASTM D5261-10; ISO 9864, ASTM D3776:09
156	Độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199:11; ASTM D1777; ASTM D374; ISO 9863
157	Xác định lực kéo giặt và độ giãn dài kéo giặt	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632:08
158	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533:09
159	Xác định lực xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241:09, ISO12236, BS6906-4, DIN 54307
160	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
161	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786
162	Xác định kích thước lỗ lọc của vải	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751:93, ISO 12956
163	Xác định cường độ kéo đứt và độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 8485:2010; ASTM D4595:09; ISO 10319; ASTM D5035; ISO 13934
164	Xác định độ thấm đơn vị	TCVN 8487:2010; ASTM D4491:09; ISO 11058; BS6906/3
165	Xác định khả năng chống chọc thủng (PP rơi côn)	TCVN 8484:2010; ISO 13433:06; EN 918 : 1995 E, BS6906/6
166	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012; ASTM D4884:09, ISO 10320
167	Xác định đường kính sợi chỉ, cường độ chịu kéo, độ giãn dài	ASTM D2256; ASTM D204
168	Khả năng thoát nước dưới áp lực	ASTM D4716:2008, ISO 12958
XV	DUNG DỊCH BENTONITE	
169	Độ ổn định, độ nhớt, độ pH, khối lượng riêng, cường độ cắt, hàm lượng cát, độ dày áo sét, tỷ lệ keo, lượng tách nước	TCVN 9395 : 2012; TCVN 11893:17; TCVN 13068:20; ASTM D4380; ASTM D4972; ASTM D6910; ASTM D4381; ASTM D6243
XVI	NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
170	Xác định tổng hàm lượng muối hòa tan; hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988

TT	Tên phép thử/chỉ tiêu thí nghiệm	Các tiêu chuẩn kỹ thuật(*)
171	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996; ISO 8467; TCVN 2671:78; TCVN 4565:1988
172	Xác định váng dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506:2012
173	Độ pH	TCVN 6492:11; ISO 10523:2008; AASHTO T26
174	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96; ISO 9297:1989; ASTM D512

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



2.2. DANH SÁCH THIẾT BỊ

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT 36

(Kèm theo Văn bản số. 01.CBNL /CV-CT ngày 10/7/2026 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36)

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
	THÍ NGHIỆM THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN	
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - XIYI - Chiết Giang - TQ. Model: WE-1000B; (Ngàm kẹp thủy lực) Bao gồm: Máy chính, 1 bộ thớt nén, bộ gối uốn BT và thép, tủy ô. - Dải đo: 200KN/0,5KN; 500KN/1KN; 1000KN/2KN - Kéo thép tròn từ D6 - D45 và thép dẹt dày từ 0 - 40mm; - Hành trình piston 150mm; - Điện áp 3pha/380V	Tốt
2	THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG	
3	Máy nén bê tông 2000 KN - XIYI - TQ Model: TYE-2000 - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam	Tốt
	- Hoạt động bằng động cơ điện, nén tự động, tự động lưu giữ kết quả nén bằng đồng hồ hai kim.	Tốt
	- Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ	Tốt
	- Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	Tốt
	- Kích thước: 850x450x1400, 750kg	Tốt
4	Bộ gá uốn mẫu BT 2 điểm- T.TECH	Tốt
5	Khuôn bê tông thử uốn 150x150x550 -TQ	Tốt
6	Bàn rung mẫu bê tông 600x900 - T.TECH Phù hợp với TCVN, ASTM, AASHTO	Tốt
7	Khuôn bê tông 200x200x200 -TQ;	Tốt
8	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - T.TECH Côn chuẩn D101,6 x D203,2 x H303 Bao gồm: Côn chuẩn, phễu hứng, khay tôn, thanh đầm, ca xúc mẫu.	Tốt
9	Máy xác định độ thấm bê tông-TQ; Model: HS-4 (HS-40); Áp lực làm việc 4MPa, nguồn 220V, 120W; kiểm tra 6 mẫu đồng thời, mẫu cao 150mm	Tốt
10	Khuôn đúc mẫu thấm BT D150xH150, bằng Thép	Tốt
11	Bộ gá mẫu thấm bê tông hình trụ, theo tiêu chuẩn Việt nam, ASTM, kiểu dáng Châu Âu - T.TECH	Tốt
12	THÍ NGHIỆM XI MĂNG, VỮA, GẠCH XÂY	

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
	Máy nén, uốn xi măng - T.TECH; Khả năng nén/vạch chia: 100KN/0,2KN; Đồng hồ chỉ thị 2 kim đường kính 26cm; Linh kiện ngoại nhập; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha	Tốt
	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH	Tốt
	Bộ gá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH	Tốt
	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tám kính	Tốt
14	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	Tốt
15	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3 -TQ;	Tốt
16	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn - TQ Model: JJ-5 (ZT-96) Dung tích: 5 lít; Điện áp nguồn: 380V/50Hz	Tốt
17	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn -TQ; Model: ZS-15 Biên độ rung: 15 +/- 0,3mm; Trọng lượng rung: 20kg Nguồn điện: 220V/50Hz	Tốt
18	Khuôn xi măng Le Chaterlier - TQ	Tốt
19	Bình tỷ trọng xi măng - TQ	Tốt
20	Sàng độ mịn xi măng 0,09mm D200 - TQ	Tốt
21	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH; kèm khâu chuẩn và thước kẹp	Tốt
THÍ NGHIỆM ĐÀM NÉN TIÊU CHUẨN		
22	Cối Protor cải tiến - T.TECH	Tốt
23	Chày Protor cải tiến - T.TECH	Tốt
24	Cối Protor tiêu chuẩn - T.TECH	Tốt
25	Chày Protor tiêu chuẩn - T.TECH	Tốt
THÍ NGHIỆM CBR		
26	Máy nén CBR/MARSHALL 50KN - T.TECH; - Kiểu dáng Châu Âu - Hoạt động bằng động cơ điện, điện áp 220V/ 50HZ, theo tiêu chuẩn ASTM, AASHTO và phù hợp với tiêu chuẩn Việt nam, tốc độ gia tải 1,27mm/phút và 50,8mm/phút. - kèm theo piston xuyên, gá đỡ đồng hồ so; bộ gá ép 2 nửa (chưa kèm Cung lực)	Tốt
27	Cung lực 50 KN - TQ; đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm.	Tốt

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
28	Khuôn CBR - T.TECH; Bao gồm: Thân khuôn, cổ khuôn, đế khuôn, đĩa đo trương nở, quả gia tải có rãnh, quả gia tải không rãnh, giá đỡ đồng hồ so	Tốt
29	Đồng hồ so, dải đo 10 x 0,01mm - TQ	Tốt
30	Đĩa phân cách - T.TECH:	Tốt
31	Dao cắt bằng thép - T.TECH;	Tốt
32	Giấy lọc D150 (100tờ/hộp) - TQ	Tốt
	THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT	Tốt
33	Sàng D200mm, 0,071mm	Tốt
34	Sàng D200mm, 0,074mm	Tốt
35	Sàng D200mm, 0,075 mm	Tốt
36	Sàng D200mm, 0,08 mm	Tốt
37	Sàng D200mm, 0,09 mm	Tốt
38	Sàng D200mm, 0,100 mm	Tốt
39	Sàng D200mm, 0,140 mm	Tốt
40	Sàng D200mm, 0,15mm	Tốt
41	Sàng D200mm, 0,16mm	Tốt
42	Sàng D200mm, 0,2mm	Tốt
43	Sàng D200mm, 0,25mm	Tốt
44	Sàng D200mm, 0,3mm	Tốt
45	Sàng D200mm, 0,315mm	Tốt
46	Sàng D200mm, 0,425mm	Tốt
47	Sàng D200mm, 0,5mm	Tốt
48	Sàng D200mm, 0,6mm	Tốt
49	Sàng D200mm, 0,63mm	Tốt
50	Sàng D200mm, 1,000 MM	Tốt
51	Sàng D200mm, 1,180 MM	Tốt
52	Sàng D200mm, 1,250 MM	Tốt
53	Sàng D200mm, 1,400 MM	Tốt
54	Sàng D200mm, 1,500 MM	Tốt
55	Sàng D200mm, 1,600 MM	Tốt
56	Sàng D200mm, 1,700 MM	Tốt
57	Sàng D200mm, 2,000 MM	Tốt
58	Sàng D200mm, 2,360 MM	Tốt
59	Sàng D200mm, 2,500 MM	Tốt
60	Sàng D200mm, 3,000 MM	Tốt
61	Sàng D200mm, 3,150 MM	Tốt
62	Sàng D200mm, 4,000 MM	Tốt
63	Sàng D200mm, 4,750 MM	Tốt



TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
64	Sàng D200mm, 5,000 MM	Tốt
65	Sàng D200mm, 8,000 MM	Tốt
66	Sàng D200mm, 9,500 MM	Tốt
67	Sàng D200mm, 10,0 MM	Tốt
68	Sàng D200mm, 12,5 MM	Tốt
69	Sàng D200mm, 14,0 MM	Tốt
70	Sàng D200mm, 15,0 MM	Tốt
71	Sàng D200mm, 16,0 MM	Tốt
72	Sàng D200mm, 19,0 MM	Tốt
73	Sàng D200mm, 20,0 MM	Tốt
74	Sàng D200mm, 25,0 MM	Tốt
75	Sàng D200mm, 30,0 MM	Tốt
76	Sàng D200mm, 31,5 MM	Tốt
77	Sàng D200mm, 37,5 MM	Tốt
78	Sàng D200mm, 40,0 MM	Tốt
79	Sàng D200mm, 50,0 MM	Tốt
80	Sàng D200mm, 60,0 MM	Tốt
81	Sàng D200mm, 70,0MM	Tốt
82	Sàng D200mm, 75,0 MM	Tốt
83	Đáy + Nắp cho sàng D200mm	Tốt
84	THÍ NGHIỆM CHẢY DỄ DÀO	
85	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande - T.TECH kèm theo Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng	Tốt
86	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - T.TECH Bao gồm: Tấm kính, bình xít, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	Tốt
87	Tấm kính xác định giới hạn dẻo-T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM ĐỘ MÀI MÒN LOS ANGELES	
88	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu	Tốt
	THÍ NGHIỆM NÉN DẬP XI LẠNH	Tốt
89	Bộ xi lanh nén đập đá D75-T.TECH	Tốt
90	Bộ xi lanh nén đập đá D150-T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM ĐƯƠNG LƯỢNG CÁT	Tốt
91	Bộ xác định đương lượng cát	Tốt
	THÍ NGHIỆM BỤI BÙN SÉT	Tốt
92	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá) - T.TECH;	Tốt
93	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát) - T.TECH;	Tốt
	THÍ NGHIỆM TẠP CHẤT HỮU CƠ	Tốt

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
94	Ống đong hình trụ 250ml	Tốt
95	Hoá chất NaOH - TQ	Tốt
96	Bảng màu chuẩn - T-TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM HÀM LƯỢNG MICA	Tốt
97	Giấy nhám	Tốt
98	Phiếu thuỷ tinh D100-TQ	Tốt
	THÍ NGHIỆM THỂ TÍCH XÓP CÁT ĐÁ	Tốt
99	Phiếu xác định độ xốp của đá - T.TECH	Tốt
100	Phiếu xác định độ xốp của cát - T.TECH	Tốt
101	Hộc đong 1 lít-T.TECH	Tốt
102	Hộc đong 2 lít-T.TECH	Tốt
103	Hộc đong 5 lít-T.TECH	Tốt
104	Hộc đong 10 lít-T.TECH	Tốt
105	Hộc đong 20 lít-T.TECH	Tốt
	DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM ĐẤT ĐÁ KHÁC	Tốt
106	Bình tỷ trọng đất 100cc - TQ	Tốt
107	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	Tốt
108	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt - T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
109	Phiếu rót cát hiện trường - T.TECH kèm bình cát chuẩn, tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ-T.TECH	Tốt
110	Kích thủy lực nén tĩnh + đồng hồ thiên phân kế	Tốt
111	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH; kèm 03 lưỡi dao	Tốt
112	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH Bao gồm: Tấm ép 340mm, Tấm ép 76mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 thiên phân kế	Tốt
113	Bộ cần Benkenman - T.TECH Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	Tốt
114	Máy đo điện trở đất	
115	Thước phẳng 3m -TQ	Tốt
	ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH	
116	Máy nén đất tam liên - TQ; Model: WG-1C (áp thấp) kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thấm, dao cắt..	Tốt
117	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ; Model: EDJ - 1 (ZJ) kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	Tốt
	THÍ NGHIỆM NHỰA, BÊ TÔNG NHỰA	

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
	THÍ NGHIỆM MARSHALL	
118	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	Tốt
119	Bộ chày đầm marshall bằng tay - T.TECH kèm đế gỗ, 04 thanh định vị	Tốt
120	Cổ khuôn marshall	Tốt
121	Đế khuôn marshall	Tốt
122	Thân khuôn Marshall	Tốt
123	Thùng ôn nhiệt - T.TECH; Nhiệt độ điều khiển: 0-100 độ Dung tích: 32 lít	Tốt
124	Dao gạt mẫu	Tốt
	THÍ NGHIỆM CHIẾT SUẤT LY TÂM NHỰA	
125	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH; Khả năng: 3000g Tốc độ được điều khiển từ 0 - 2800V/phút bằng biến tần - HITACHI - Nhật Điện áp nguồn: 220V/50Hz	Tốt
126	Giấy lọc D320 (100tờ/hộp)	Tốt
	KHOAN LẤY MẪU BÊ TÔNG	
127	Máy khoan lấy mẫu bê tông - T.TECH. Động cơ HONDA 5,5HP; Khoan lấy mẫu bê tông xi măng, bê tông nhựa tự hành, động cơ chạy xăng 4 kỳ	Tốt
128	Mũi khoan kim cương đk101,6mm-H.Quốc; (mũi rời 3 đoạn)	Tốt
129	Kẹp lấy mẫu khoan D100 - T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM DẪN DÀI NHỰA ĐƯỜNG	
130	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH Tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1500mm, động cơ 220V/50Hz	Tốt
131	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng - T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM KIM LÚN NHỰA	
132	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH; Đồng hồ chỉ thị dịch chuyển 50mm x 0,01 mm; kèm cốc mẫu, cốc nước giữ nhiệt, 02 kim	Tốt
	THÍ NGHIỆM BỐC CHÁY NHỰA	
133	Thiết bị TN bốc cháy nhựa - T.TECH; không kèm bình ga và van	Tốt
	THÍ NGHIỆM HÓA MỀM NHỰA	
134	Thiết bị TN hoá mềm nhựa-T.TECH	Tốt
	THÍ NGHIỆM TỒN THẤT KHÍ NUNG	
135	Thiết bị XD tồn thất khí nung-T.TECH Bao gồm: mô tơ 5vòng/phút, giá quay; 9 hộp mẫu	Tốt
	THÍ NGHIỆM BỌT KHOÁNG	
136	Lò nung 1000 ⁰ C - TQ; 2,5-10	Tốt
137	Kính lúp - TQ	Tốt
138	Chén sứ chịu nhiệt 50ml - TQ	Tốt
139	Bát sứ thí nghiệm D80mm - TQ	Tốt
140	Bát INOX D 180 - VN	Tốt
141	Chày cao su - T.TECH	Tốt
142	Đũa thủy tinh - TQ	Tốt
	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA	



TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
143	Máy kiểm tra kéo nén đa năng Model: WDW-100A Hãng: Better United Xuất Xứ: Trung Quốc Kích thước máy: DxRxH=860x560x1830mm Khoảng hở 2 cột 450mm Khoảng kéo,nén 650mm Lực kéo tối đa 100kN Tốc độ kéo 0.05mm/phút – 500mm/phút Trọng lượng: ~600kg Nguồn điện: 220V Điều khiển và hiển thị trên máy tính. Phần mềm Trọn bộ sử dụng, bao gồm: - Máy chính - Máy tính - Bộ ngàm kéo thép tròn 4-9mm; 9-14mm;14-21mm - Bộ ngàm kéo thép dẹt 7-14mm;14-21mm; 0-7mm - Bộ gá nén đường kính 130mm (lắp trên máy) Phần mềm kết nối và hiển thị trên máy tính	Tốt
144	Ngàm kẹp mẫu có chiều rộng 100mm Cường độ kéo giật và độ giãn dài – ASTM D 4632, TCVN 8871	Tốt
145	Cường độ xé rách hình thang – ASTM D 4533, TCVN 8871 – VIETNAM	Tốt
146	Cường độ xuyên thủng thanh – ASTM D 4833, TCVN 8871-VIETNAM	Tốt
147	CBR – ASTM D 6241, ISO 12236, TCVN 8871- VIETNAM	Tốt
148	Bộ gối uốn đa năng có thể điều chỉnh được khoảng cách	Tốt
149	Gá nén marshall 2 nửa	Tốt
THÍ NGHIỆM THỬ THẨM BÊ TÔNG		
150	Máy thí nghiệm kiểm tra độ thấm nước của bê tông Model: HS-40 Xuất xứ: Trung Quốc TCVN 3116:2022 Nguồn điện: 220V/50Hz-60W Bao gồm: + Máy chính (Đồng hồ điện tử)	Tốt
151	Gá thấm cho máy thử thấm bê tông (gá hở) Bao gồm: 06 mắt bích, 06 roăng cao su+ bộ thanh nối và ốc vít đầy đủ (Một bộ dùng cho 01 máy)	Tốt
THÍ NGHIỆM BENTONITE		



TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
152	Dụng cụ đo, kiểm tra hàm lượng bùn và cát của Bentonite, Model ANY-1 Dùng để thí nghiệm các chỉ tiêu cơ bản của Bentonite Xuất xứ: Trung Quốc 1. Cân tỷ trọng - Dải đo từ 0,96 đến 3 g / cm³. - Độ chính xác 0.01 g / cm³. - Kích thước : 500 (L) * 100 (W) * 100 (H) mm 2. Ca nhựa có chia vạch 3. Phễu đo độ nhớt và bình chứa - Phễu côn 1500ml - Bình chứa 4. Dụng cụ đo hàm lượng cát - Phễu nhựa có lưới rây - Ống thủy tinh chia vạch	Tốt
		
THÍ NGHIỆM NƯỚC DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
153	Bộ kiểm tra đa chỉ tiêu trong nước HI3817 Đo các chỉ tiêu quan trọng trong nước : 1/ Đo pH: Bằng Bút đo pH- HI98107(đo trực tiếp) 2/Đo Kiềm- chuẩn độ- thuốc thử cho 110 lần đo Thang Đo: 0 đến 300 mg/L CaCO₃ 3/ Đo CLORIDE- chuẩn độ- thuốc thử cho 110 lần đo Thang Đo: 0 đến 1000 mg/L Cl⁻ TC5-150mg/l 4/ Đo Cứng tổng- chuẩn độ- thuốc thử cho 100 lần đo Thang Đo: 0 đến 300 mg/L CaCO₃ 5/ Đo Sắt- colorimetric- thuốc thử cho 50 lần đo Thang Đo: 0 đến 5 mg/L Fe 6/ Đo SULFITE- chuẩn độ- thuốc thử cho 110 lần đo Thang Đo: 0 đến 200 mg/L Na₂SO₃	Tốt
THÍ NGHIỆM SIÊU ÂM MỐI HÀN		
154	Máy kiểm tra khuyết tật mối hàn, model: GTJ-U610 Tích hợp các tiêu chuẩn công nghiệp trong và ngoài nước: thiết bị được tích hợp sẵn 11 bộ tiêu chuẩn quốc gia, tương thích với tiêu chuẩn Châu Âu EN12668-1:2010, t 1 Đầu dò thẳng 2.5P20 ; 1 Đầu dò góc 5P13x13 1 bộ đổi nguồn ; 1 sách hướng dẫn _ 1 cục pin lithium đặc biệt; 1 tờ giấy phiếu bảo hành 1 hộp dụng cụ ; 1 phần mềm	Tốt
155	Khối chuẩn V1 Dùng để chuẩn máy và dụng đường cong DAC	Tốt
THÍ NGHIỆM SIÊU ÂM BÊ TÔNG		
156	Bộ thí nghiệm siêu âm bê tông LBG	Tốt
THIẾT BỊ DÙNG CHUNG		
157	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 100 C - TQ	Tốt
158	Nhiệt kế thủy tinh 0 - 300 C - TQ	Tốt
159	Nhiệt kế kim loại 0-100C;	Tốt
160	Nhiệt kế kim loại 0-250C;	Tốt
161	Nhiệt kế kim loại 0-350C;	Tốt

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
162	ống đong 50 ml	Tốt
163	ống đong 100 ml	Tốt
164	ống đong 250 ml	Tốt
165	ống đong 500 ml,	Tốt
166	ống đong 1000 ml	Tốt
167	Bình tam giác 50ml; -TQ	Tốt
168	Bình tam giác 100ml; -TQ	Tốt
169	Bình tam giác 250ml; -TQ	Tốt
170	Bình tam giác 500ml; -TQ	Tốt
171	Bình tam giác 1000ml;-TQ	Tốt
172	Cốc đong 100 ml có mỏ - TQ;	Tốt
173	Cốc đong 250 ml có mỏ - TQ;	Tốt
174	Cốc đong 500 ml có mỏ - TQ;	Tốt
175	Cốc đong 1000 ml có mỏ - TQ;	Tốt
176	Khay trộn mẫu 300x220x50mm	Tốt
177	Khay trộn mẫu 550x550x50- T.TECH	Tốt
178	Bình hút ẩm D200 - TQ	Tốt
179	Bộ cối chày bằng sứ - TQ	Tốt
180	Bơm chân không - TQ	Tốt
181	Bình hút chân không 8 lít - TQ	Tốt
182	ống cao su	Tốt
183	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ	Tốt
184	Thìa xúc mẫu	Tốt
185	Đục thép 2,5cm	Tốt
186	Xẻng xúc cát	Tốt
187	Búa cao su - VN	Tốt
188	Dao để gạt đất - T.TECH	Tốt
189	Máy trộn bê tông	
190	Thìa trộn nhỏ - VN	Tốt
191	Thìa trộn to - VN	Tốt
192	Bay trộn to - VN	Tốt
193	Bay trộn nhỏ - VN	Tốt
194	Bình xịt rửa 250ml - TQ	Tốt
195	Hộp ẩm bằng nhôm D55x35 - T.TECH	Tốt
196	Kích đèn mẫu vạn năng 4" và 6" - T.TECH; Kích Trung Quốc 16 tấn	Tốt
197	Bếp cách cát 1000W / 220V - TQ	Tốt
198	Đôi găng tay amiăng chịu nhiệt - T.TECH	Tốt
199	Bộ cối chày bằng Đồng - T.TECH	Tốt
200	Hoá chất H2SO4 - TQ	Tốt
201	Hoá chất HCL - TQ	Tốt
202	Hoá chất Tricloethylene - TQ	Tốt
203	Máy đo PH cầm tay - TQ Hiển thị màn hình LCD, khoảng đo: 0.0 - 14.0pH, độ chính xác 0,2pH, kích thước 180 x30mm, trọng lượng 85 g	Tốt
204	Đũa thủy tinh - TQ	Tốt
205	Pipét 5ml - TQ	Tốt
206	Pipét 10ml - TQ	Tốt

TT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Tình trạng
207	Đồng hồ bấm giây - TQ	Tốt
208	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn - T.TECH có bàn nâng di động, kiểu dáng hiện đại, tời quay tay nâng hạ.	Tốt
209	Rọ cân trong nước - T.TECH	Tốt
210	Cân điện tử 600g x 0.01g - TQ	Tốt
211	Cân điện tử 5000g x 0.1g - TQ	Tốt
212	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS (Mỹ); Model: BC15	Tốt
213	Tủ sấy 300 ⁰ C, model 101-2; 126 lít - TQ	Tốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT 36**



GIÁM ĐỐC
Lê Hữu Võ

2.3.DANH SÁCH CÁN BỘ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT 36

(Kèm theo Văn bản số. 01.CBNL /CV-CT ngày 10/7/2026 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và kiểm định An Phát 36)



TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ/nhiệm vụ	Bảng cấp, Trình độ chuyên môn
01	Phạm Hữu Hội	16/06/1989	Trưởng phòng thí nghiệm – Phụ trách mọi hoạt động thử nghiệm. Thí nghiệm các công tác trong phòng và hiện trường về chuyên ngành giao thông.	Kỹ sư xây dựng Bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức kỹ năng Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Trưởng phòng thí nghiệm Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông. Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo Nhận thức chung và đánh giá nội bộ hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2017
02	Lê Xuân Báu	17/3/1988	Thí nghiệm viên – Phụ trách công tác Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	Kỹ sư cầu đường bộ ; Chứng chỉ đào tạo Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của gạch và vật liệu xây dựng
03	Phạm Như Trường	23/11/1988	Thí nghiệm viên – Phụ trách công tác Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	Chứng chỉ đào tạo Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của gạch và vật liệu xây dựng
04	Lê Sỹ Sáu	05/04/1981	Thí nghiệm viên – Phụ trách công tác Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	Cao đẳng ngành xây dựng cầu đường; Bằng nghề thí nghiệm viên
05	Lê Xuân Tùng	18/12/1981	Thí nghiệm viên – Thí nghiệm các công tác trong phòng và hiện trường về chuyên ngành giao thông.	Kỹ sư xây dựng Bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức kỹ năng Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Trưởng phòng thí nghiệm Chứng chỉ đào tạo thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông.

06	Trần Tiến Tùng	07/02/1992	Thí nghiệm viên – Phụ trách công tác lưu mẫu, KCS	Kỹ sư xây dựng KCS
07	Lê Đình Lịch	01/9/1987	Thí nghiệm viên – Phụ trách công tác Thí nghiệm đất trong phòng và hiện trường. Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy.	Chúng chỉ đào tạo Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. Chúng chỉ đào tạo kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc. Chúng chỉ đào tạo Kiểm tra chất lượng bê tông bằng phương pháp không phá hủy
08	Nguyễn Tiến Dũng	16/7/1979	Thí nghiệm viên – Phụ trách thử nghiệm đất trong phòng thí nghiệm và hiện trường. Thí nghiệm các tính chất cơ lý của kim loại và liên kết hàn. Trắc địa công trình, đo chuyển vị và khảo sát địa hình.	Trung cấp Trắc địa. Chúng chỉ đào tạo Phương pháp xác định các tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường. Chúng chỉ đào tạo thử nghiệm các tính chất cơ lý của kim loại và liên kết hàn

2.4. Địa chỉ website: <http://anphat36.com.vn>

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 07 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Lê Hữu Võ